

VIẾT CHỮ HÁN BẰNG BÚT LÔNG (Mao bút thư pháp)

毛筆書法

* Lê Anh Minh¹

Viết chữ Hán cũng là một nghệ thuật, góp phần rèn luyện và nâng cao khiếu thẩm mỹ. Trung Quốc gọi là *Thư Pháp* 書法(Shufa), Nhật Bản gọi là *Thư Đạo* 書道(Shodō). Người Trung Quốc nói: "Thư pháp khả dĩ tu tâm dưỡng tánh, đào dã tâm tình." 書法可以修身養性陶冶心情 (*Thư pháp có thể giúp ta tu tâm, dưỡng tánh, rèn luyện tình cảm*). Viết chữ Hán bằng mao bút mới là chính tông. Khi khổ luyện thư pháp với mao bút thì sau này dù ta viết chữ bằng bất cứ loại bút gì chữ cũng đều đẹp. Sau đây là một số điểm cơ bản về thư pháp bút lông:

I. VĂN PHÒNG TỨ BẢO 文房四寶

Hiện nay computer quả thực là bửu bối vô song, là một công cụ đắc lực của ta trong việc học tập Hán ngữ lẫn thư pháp, nhưng theo truyền thống thì chỉ có bốn bửu bối trong văn phòng (văn phòng tứ bảo):

- * Giấy (chỉ 紙)
- * Mực (mặc 墨)
- * Nghiên (nghiễn 硯)
- * Bút (bút 筆)

Giấy cho dân nhà nghề là giấy Tuyên 宣, thường gọi là “*xuyến chỉ*” (đọc trại của *Tuyên chỉ* 宣紙), mỏng như giấy quỳến vẫn thuốc hút, dùng cho cả thư pháp lẫn hội họa, nhưng đắt tiền. Giấy Tuyên có hai loại: *sinh chỉ* 生紙 (giấy sống, chưa đúng phèn, dùng cho thư pháp) và *thục chỉ* 熟紙 (giấy chín, đã đúng phèn, dùng cho hội họa). Việc luyện tập tốn rất nhiều giấy, ta nên dùng giấy thường miễn hút mực (như giấy báo) là được.

Mực có hai loại: mực thỏi và mực nước (mặc tráp 墨汁). Mực thỏi có chất keo, loại tốt thường có mùi xạ hương. Mực tốt thì sau khi viết xong, ta bôi tranh chữ không bị nhoè mực. Mực nước (mặc tráp) tiện dụng nhưng không đủ độ sánh, ta cần mài thêm mực thỏi để tăng độ sánh đặc. Cách dùng mực rất quan trọng, tạo ra các hiệu quả khác nhau trên từng chất liệu hay các loại giấy. Trong nghề gọi là *mặc pháp* 墨法 (phép dùng mực). Mài mực cũng là cách tập cổ tay trước khi cầm bút viết chữ. Nói chung viết chữ trên giấy không hút nước thì mực phải đặc, trên giấy hút nước như giấy tuyên thì mực hơi sánh. Dùng pha mực quá loãng.

¹ Thành phố Hồ Chí Minh

Nghiên mực có các kiểu dáng khác nhau, nhưng nguyên tắc là có một độ nghiêng nhỏ để cho mực đọng về một phía. Khi mài mực thì nhỏ một vài giọt mực trấp vào cho hơi ướt đáy nghiên. Rồi mài thử mực theo chiều kim đồng hồ, thỉnh thoảng nhỏ thêm vài giọt mực trấp. Pha chế vừa đủ cho một lần sử dụng, không nên đổ quá nhiều mực trấp vào nghiên. Mực dùng không hết sẽ đọng thành vẩy và cặn cẩu trên nghiên.



* Nghiên mực đời Khang Hi * 3 mặt của một thỏi mực

Bút có nhiều loại: tiểu, trung, đại. Lông bút có loại cứng (như lông sói) có loại mềm (như lông thỏ) và có loại pha trộn các loại lông theo một tỉ lệ để thích hợp cho cả vẽ tranh lẫn viết chữ. Khác với cây bút của phương Tây là chủ yếu để viết chữ, mao bút của Trung Quốc có thể vừa viết chữ vừa vẽ tranh. Nói chung viết chữ nên dùng bút lông sói, còn vẽ tranh thì tùy theo trường hợp và tùy theo hiệu quả mong muốn mà ta sử dụng các loại bút khác nhau. Khi luyện thư pháp nên dùng bút cỡ trung để viết chữ Hán trong các ô vuông mỗi cạnh lớn chừng 5 hay 6 cm. Khi bắt đầu luyện tập thì phải đi từ chữ Khải. Không nên bắt đầu tập bằng tiểu khai (chữ Khải nhỏ chừng một phân vuông). Chỉ khi viết chữ to ta mới nghiên cứu được bút pháp và các bút thế. Khi thuần thục thì chữ viết phóng to thu nhỏ đều dễ dàng.

Các bộ phận của bút lông:

* Đào tuyến 陶線: sợi dây nhỏ ở một đầu quản bút, dùng treo bút lên giá bút sau khi sử dụng.

* Bút quản 筆管 (bút can 筆杆): quản bút, bằng trúc.

* Bút hào 筆毫: búp lông, giống búp sen chưa nở.

* Bút căn 筆根: phần búp lông dính với quản bút.

* Bút đở 筆肚: bụng búp lông.

* Bút phong 筆鋒 (bút tiêm 筆尖): ngọn bút.

* Bút mạo 筆帽: nắp bút (bằng trúc hoặc nhựa).

Viết xong, ta rửa sạch bút, móc đào tuyến vào một cái giá để ngọn bút quay xuống đất. Không nên dùng bút mạo vì nó dễ làm hư lông bút.



* Bồn rửa bút bằng ngọc

II. NGŨ CHỈ PHÁP 五指法

Đây nói về cách cầm bút (chấp bút pháp 執筆法). Ngũ chỉ chấp bút pháp 五指執筆法 hay ngũ tự chấp bút pháp 五字執筆法 là do Lục Hy Thanh 陸希聲 đời Đường sáng tạo. Năm ngón của bàn tay có tên: • Mẫu chỉ 拇指 (ngón cái), , thực chỉ 食指 (ngón trỏ), *f* trung chỉ 中指 (ngón giữa), „ vô danh chỉ 無名之 (ngón áp út), ... tiểu chỉ 小指 (ngón út). Năm ngón ứng với năm chữ (ngũ tự 五字):

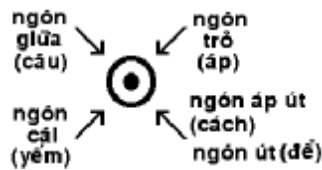
* **Yếm 厭**: tác dụng của ngón cái ép vào quản bút.

* **Áp 壓**: tác dụng của ngón trỏ ép vào quản bút, đối ứng với ngón cái.

* **Câu 鉤**: tác dụng của ngón trỏ tựa vào quản bút, dùng móc phần quản bút có búp lông hướng vào lòng bàn tay.

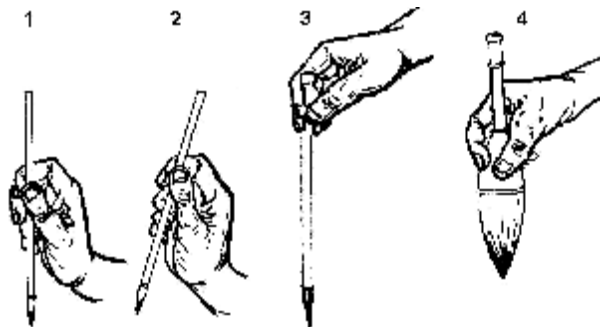
* **Cách 格**: tác dụng của ngón áp út, móng tay ngón này áp vào quản bút, đẩy phần quản bút này ra ngoài.

* **Đế 抵**: tác dụng của ngón út, ép sát vào ngón áp út để trợ lực cho ngón áp út.



Xem tiết diện quản bút trong hình trên đây: hai đầu ngón cái và trỏ kẹp lấy quản bút, rồi đầu ngón giữa áp vào quản bút, rồi móng tay ngón áp út chạm vào quản bút, và ngón út áp sát vào ngón áp út. Có bốn lực tác dụng vào quản bút (chiều mũi tên). Ngón cái và ngón trỏ làm điểm tựa giữ cho bút vững, các ngón còn lại dùng móc và đẩy phần quản bút có ngọn bút một cách linh hoạt. Đó là cách cầm bút để viết chữ khải.

Tùy theo thư thể hoặc chữ cực lớn (đại tự 大字) hoặc cây bút thật lớn (đại bút 大筆) mà cách cầm bút cũng khác nhau. Cách cầm bút tạo ra nhiều hiệu quả khác nhau, giống như cách cầm mao bút vẽ tranh. Tuy nhiên, mới học thư pháp thì phải áp dụng ngũ chỉ chấp bút pháp. Xem hình sau đây:



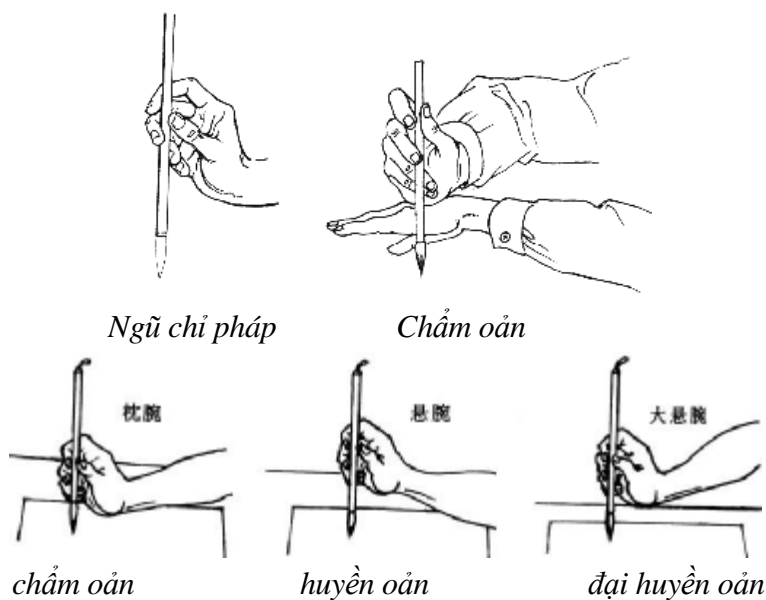
Hình 1 trên đây theo đúng Ngũ chỉ chấp bút pháp của Lục Hy Thanh. Các hình 2, 3, và 4 là biến thể. Viết *tiểu楷* 小楷 (chữ khải nhỏ) thì vị trí của ngón cái và ngón trỏ ở khoảng 1/3 quãng bút về phía ngọn. Viết *trung楷* 中楷 (chữ khải vừa) hay *đại楷* 大楷 (chữ khải lớn) thì vị trí của chúng ở giữa quãng bút.

Khi chấp bút ta phải nhớ khẩu quyết “chỉ thực, chưởng hư” 指實掌虛, nghĩa là đầu ngón tay áp vào bút, còn lòng bàn tay thì trống rỗng. Nhìn nghiêng, ngón cái và ngón trỏ tạo thành mắt phượng (phượng nhãn 鳳眼).

III. OẢN PHÁP 腕法:

Đây là kỹ pháp của cổ tay (oản), gồm có:

1. **Châm oản** 枕腕 (gối cổ tay): bàn tay trái úp và lót dưới cổ tay bàn tay phải, tức là cổ tay phải gối nhẹ lên bàn tay trái, và trượt nhẹ trên đó khi viết chữ. Hoặc cổ tay phải chỉ áp nhẹ trên mặt bàn (bàn tay trái không lót ở bên dưới). Khi viết ta chỉ lấy sức mạnh của ngón tay (chỉ lực 指力) mà điều khiển ngọn bút. Oản pháp này dùng khi ta viết tiểu khải hoặc trung khải.



2. **Huyền oản** 懸腕 (treo cổ tay): cũng gọi *đề oản* 提腕, tức là cổ tay lơ lửng không tựa vào đầu cả, nhưng khuỷu tay thì chạm nhẹ mặt bàn. Khi viết chữ, ta chuyển động cả cánh tay, cổ tay, và ngón tay. Oản pháp này dùng khi ta viết đại khải.

3. **Đại huyền oản** 大懸腕 (treo hông cổ tay): cũng gọi *huyền trứ* 懸肘 (treo khuỷu tay). Toàn bộ cánh tay không tựa vào đầu cả. Khi viết chữ, ta chuyển động cả cánh tay, cổ tay, và ngón tay. Oản pháp này dùng khi ta đứng viết đại tự (cỡ 10x10 cm) hoặc chữ thảo.

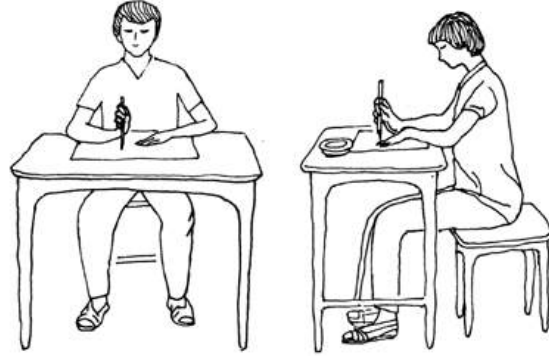
IV. NHÃN PHÁP 眼法:

Khi viết chữ, mắt ta tập trung nhìn thẳng vào chữ, không được nhìn nghiêng.

V. THÂN PHÁP 身法:

1. Thế ngồi:

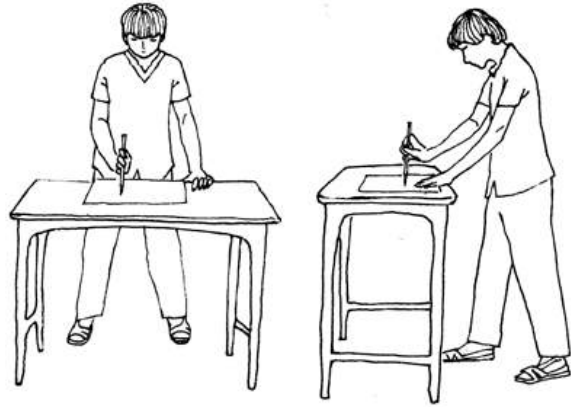
Ta ngồi ghé, đầu ngay ngắn, hai vai ngang nhau, lưng thẳng, không tỳ ngực vào bàn, hai chân để tự nhiên, không vắt chéo chân, không rung đùi, tay trái đặt trên tờ giấy giữ cho nó cố định trên bàn. Tập trung tư tưởng, hơi thở điều hòa. Một số nhà luyện khí công còn ngồi kiết già hoặc bán già trên ghế khi viết chữ.



* Thế ngồi

2. Thế đứng:

Ta đứng viết đại tự (chữ vuông mỗi cạnh ít nhất là 10 cm). Hoặc ta đứng hai chân song song, khoảng cách hai bàn chân bằng vai; hoặc ta đứng chân phải ở trước, chân trái ở sau. Thân hình ngay ngắn, trầm tĩnh, dùng đại huyền oản. Một số người lúc viết chữ thì hay uốn éo, co giật, múa may, tay cổ tình run như bị chứng parkinson. Đó là bằng môn tả đạo, ta không nên bắt chước. Dù ngồi hay đứng, ta cần tập trung khí lực ở hạ đan điền (vị trí dưới rốn khoảng một đốt tay), hơi thở điều hòa.



* Thế đứng

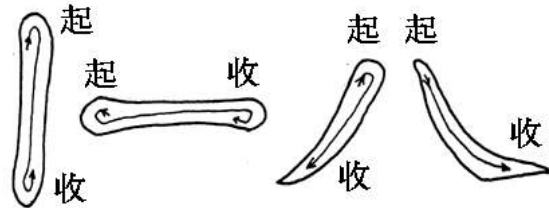
VI. BÚT PHÁP 筆法:

1. Khởi bút 起筆, hành bút 行筆, thu bút 收筆:

* Khởi bút 起筆 còn gọi là *lạc bút* 落筆, *hạ bút* 下筆. Có ba cách: • ngọn bút đưa sang trái rồi kéo sang phải; , ngọn bút đưa lên trên rồi kéo ngang một chút rồi kéo xuống; *f* đặt ngọn bút vào là kéo đi luôn. Cách • và , gọi là *hồi phong* 回鋒. Ta bắt buộc phải hồi phong khi viết các thư thể: triện, lệ, khải. Cách *f* dùng khi viết chữ hành, chữ thảo.

* Hành bút 行筆 là bước trung gian giữa khởi bút và thu bút, tức là khi ngọn bút di động tạo ra nét chữ.

* Thu bút 收筆: dù ta kéo nét ngang hay nét sổ, đến cuối nét, ta dùng ngọn bút và thu hồi theo hướng ngược lại một chút rồi nhấc bút lên. (Xem hình bên)



2. Tàng phong 藏鋒 & lộ phong 露鋒:

* Tàng phong cũng gọi *ẩn phong* 隱鋒 (giấu ngọn bút) hay *ngịch phong* 逆鋒 (ngược ngọn bút). Khi khởi bút, ta hướng bút ngược lại chiều muốn kéo (ngịch phong). Khi thu bút ta hướng ngược chiều đã kéo (cũng gọi là *hồi phong* 回鋒). Tàng phong làm cho nét bút đầy đặn, khí lực sung mãn, ngoài nhu trong cương.

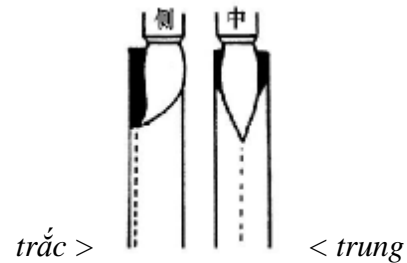
* Lộ phong cũng gọi *xuất phong* 出鋒, tức là để lộ nét bút do lúc khởi bút ta không tàng phong và lúc thu bút ta không hồi phong mà kéo ngọn bút đi luôn. Nét bút lộ phong cũng cần có gân cốt, biểu lộ tinh thần.



3. Trung phong 中鋒 & trắc phong 側鋒:

* Trung phong cũng gọi *chính phong* 正鋒, tức là khi bút lông đứng thẳng góc với mặt giấy. Ngọn bút nằm chính giữa nét bút, tạo sự tròn hậu, đầy đặn. Khi mới tập viết, ta nên dùng trung phong.

* Trắc phong là khi bút lông đứng xiên với mặt giấy. Ngọn bút nằm ở cạnh nét bút. Bút tiêm và bút đỡ cùng tiếp xúc và di động trên mặt giấy, thích hợp viết chữ hành, chữ thảo. Khi mới tập viết, ta không nên dùng trắc phong.



4. Chiết phong 折鋒 & chuyển phong 轉鋒:

* Chiết phong là đưa ngọn bút tạo nét gấp.

Chiết phong tạo ra *phương bút* 方筆 (vuông).

* Chuyển phong là chuyển ngọn bút tạo nét cong.

Chuyển phong tạo ra *viên bút* 圓筆 (tròn).



5. Đề bút 提筆 & ấn bút 按筆:

* Đề bút: kéo ngọn bút nhẹ nhàng trên mặt giấy, nét bút đều đặn.

* Ấn bút: ấn ngọn bút, tạo nét thô, đậm.



6. Trú bút 駐筆 & quá bút 過筆:

* Trú bút: ngọn bút dừng như ở các chỗ cuối nét hay ở góc cạnh chữ.

* Quá bút: nét bút lướt nhanh trên mặt giấy, nhưng có sức lực.

Ngọn bút lúc đi, lúc dừng, lúc nhanh lúc chậm, tạo ra tiết tấu.

7. Thuận bút 順筆:

Tùy theo thư thể mà thứ tự nét bút phải thuận, hợp với quy tắc viết chữ.

8. Không hành 空行:

Trước khi hạ bút cho ngọn tiếp xúc mặt giấy, tay ta cầm bút viết thử phía trên cao của mặt giấy, ước lượng kết cấu của chữ và bố cục của tấm thư pháp.

VII. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TẬP

Luyện thư pháp có hai cách chính: **Mô 摹** và **Lâm 臨** theo các mẫu chữ có sẵn (thiếp 帖) của các đại thư pháp gia. Các **tự thiếp 字帖** và **bi thiếp 碑帖** (những **thác bản 拓本** rập trên các bia đá) được bán rất nhiều, ta có thể sưu tầm và luyện tập.

1. Mô thiếp 摹帖:

Mô là mô phỏng 摹仿 (bắt chước) theo mẫu:

* **Tả phỏng ảnh 寫仿影** (can-kê, calquer): Ta lấy một tờ giấy mỏng đặt lên trên trang chữ mẫu, các chữ mẫu sẽ hiện hình mờ qua trang giấy mỏng. Ta dùng bút đồ theo.

* **Đơn câu 單鈎**: Ta lấy một tờ giấy mỏng đặt lên trên chữ mẫu, rồi dùng bút chì vẽ đường tim của từng nét chữ. Sau đó ta lấy tờ giấy ra ngoài, rồi dựa theo các đường tim này mà phục hồi các nét bút của chữ đó.

* **Song câu 雙鈎**: Ta lấy một tờ giấy mỏng đặt lên trên chữ mẫu, rồi dùng bút chì vẽ đường viền của từng nét chữ. Sau đó ta lấy tờ giấy ra ngoài, rồi dựa theo các nét chữ rỗng chỉ có đường viền này mà phục hồi các nét bút của chữ (thao tác này gọi là **điền thực 填實**: lấp đầy).

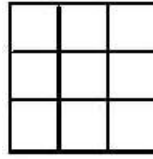


2. Lâm thiếp 臨帖:

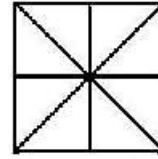
Lâm có hai loại: **Cách lâm 格臨** và **Đối lâm 對臨**:

* **Cách lâm 格臨** là viết nhái theo mẫu chữ có sẵn theo một khung có phân chia tỷ lệ (gọi là **cách 格**). Lâm tương tự như cách thức mà các học sinh trung học dùng để tập vẽ bản đồ. Các cách thông dụng là **Cửu cung cách 九宮格** (khung 9 ô vuông), **Mễ tự cách 米字格** (khung theo gạch ngang và chéo theo chữ mễ 米), **Hồi tự cách 回字格** (khung hình chữ hồi 回). **Điền tự cách 田字格** (khung có 4 ô vuông như chữ điền 田).

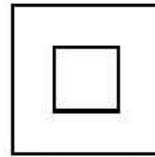
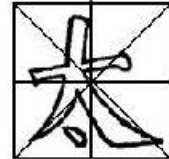
Một số tự thiếp và bi thiếp bán sẵn ở hiệu sách đã kẻ ô rồi (thường là theo cửu cung cách). Đối với các tự thiếp và bi thiếp không có kẻ ô, ta làm như sau: Lấy một tấm giấy trong hoặc một tấm plastic trong rồi dùng bút mực đen không phai mà vẽ các khung như trên với nhiều kích cỡ khác nhau. Khi tập viết, ta đặt khung đè lên chữ để thấy tỷ lệ các nét với nhau. Trên giấy tập viết, ta cũng vẽ khung phân ô như vậy và canh theo từng ô mà vẽ nét chữ. Việc này y như vẽ bản đồ.



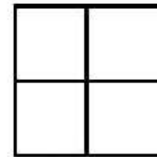
Cửu cung cách



Mễ tự cách



Hồi tự cách



Điền tự cách



* **Đối lâm** 對臨 giống như thao tác của một họa sĩ vẽ truyền thần. Ta đặt chữ mẫu trước mặt, ngắm nhìn cho kỹ các nét rồi trực tiếp dùng bút viết chữ thẳng vào một tờ giấy trắng, hoàn toàn không sử dụng cửu cung cách hay các cách tương tự.

Cách lâm giúp ta nắm được kết cấu của chữ (kết thể 結體), vị trí nét bút chính xác của *mặc tích* 墨跡 của cô nhân. Đối lâm giúp ta đạt được *bút thế* 筆勢 và thần thái của *mặc tích*.

Quá trình luyện tập thông thường có thể tóm tắt bằng mấy chữ: *độc* 讀, *mô* 摹, *lâm* 臨, *bối* 背.

* **Độc** (đọc) là xem xét kỹ lưỡng chữ mẫu. Độc theo nghĩa rộng cũng là tham bác các thư thể, tự thiếp, bi thiếp, các *mặc tích* của cô nhân; đọc sách luận về thư pháp để nghiên cứu bút pháp, bút thế, kết thể, chương pháp; nghiên cứu sự tiến hoá của chữ Hán.

* **Mô** và **lâm** đã giải thích trên, tức là giai đoạn thực hành.

* **Bối** là bối tụng, là ghi nhớ nằm lòng, giống như “chụp hình” một chữ mẫu vào trong tiềm thức. Khi ta viết chữ đó, dường như nó hiện diện trước mặt ta.

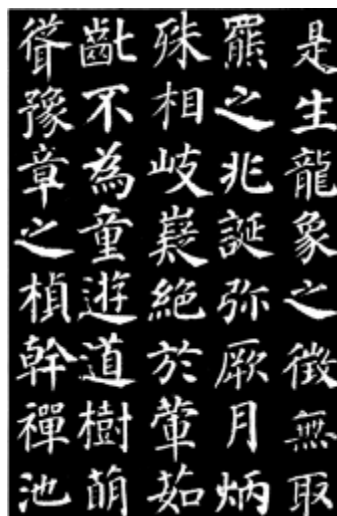
Phương pháp “chụp hình” rất hữu hiệu khi học chữ Hán và luyện thư pháp. Ta ngồi kiết già hay bán già, tập trung tư tưởng nhìn một chữ hồi lâu, rồi nhắm mắt lại. Trong khi nhắm mắt, trong đầu ta hiện ra hình ảnh của chữ đó rõ mồn một y hệt như ta đã thấy trước đó. Đồng thời ta dùng ngón tay trở vẽ trong không khí chữ đó. Chiêu này gọi là *trừu không luyện tự* 抽空練字, một độc chiêu mà vua Đường Thái Tông 唐世宗 (Lý Thế Dân 李世民) đã dùng để học bút pháp của Vương Hi Chi 王羲之. Chiêu này rất tuyệt diệu khi ta học chữ hành, nhất là chữ thảo vốn là một thư thể giản ước chữ Hán trong vài nét bút.

Khi hạ thủ công phu, ta phải noi theo thư thể của một đại thư gia nào đó. Thí dụ tập chữ khai, ta có thể chọn Liễu thể 柳體, Nhan thể 顏體, Âu thể 歐體, hay Triệu thể 趙體, tức là các thể khai thư của các đại thư gia đời Đường như: Liễu Công Quyền 柳公權, Nhan Chân Khanh 顏真卿, Âu Dương Tuân 歐陽詢, hay khai thư của đại thư họa gia đời Nguyên là Triệu Mạnh Phủ 趙孟頫. Ban đầu, ta tập theo các tự thiếp của các đại thư gia trên. Giai đoạn này gọi là *nhập thiếp* 入帖.

Khi thuần thực ta phải có nét sáng tạo riêng của chính mình, mang cá tính của mình. Giai đoạn này gọi là *xuất thiếp* 出帖.



* *Thư pháp Liểu Công Quyền*



* *Thư pháp Nhan Chân Khanh*

Mới học thư pháp phải bắt đầu từ chữ khải và phải là trung khải (mỗi chữ khoảng 5x5 cm); đừng luyện tiểu khải. Ta nên luyện Liễu thể và Nhan thể để nét chữ có gân cốt. Khi chữ trung khải của ta đã thuần thực, ta mới luyện tiểu khải và học qua chữ hành, chữ thảo. Một số học viên cũng có thể hạ thủ công phu với Âu thể hoặc Triệu thể. Chúng ta nên nghiên tập khải thư của Liễu Công Quyền và Nhan Chân Khanh. “Nhan cân Liễu cốt” 顏筋柳骨 (Nhan thể có gân, Liễu thể có xương) là một lời tán tụng lâu đời về khí lực và gân cốt của hai thư thể này. Đôi khi vì nôn nóng muốn tốc thành, nhiều người mới học mà vội luyện ngay chữ hành hay chữ thảo, hậu quả cực kỳ tai hại là nét chữ yếu đuối vì thiếu khí lực và gân cốt; sau này muốn quay lại với chữ khải thì nét bút đã thành tật, khó sửa chữa.

VIII. TRỢ HUẤN CÔNG CỤ

1. Đĩa VCD dạy thư pháp do Trung Quốc sản xuất: Các đĩa này đã bày bán đầy ở các hiệu sách và các quầy bán đĩa CD ở Chợ Lớn (cả đĩa gốc lẫn đĩa sao chép lậu). Phổ biến là các đĩa VCD của thư pháp gia trứ danh hiện đại Dương Tái Xuân 楊再春 giảng giải, do Đại học Thể dục Bắc Kinh xuất bản. Dù các loại thư thể được giảng dạy, rất đáng cho người tự học tham khảo. Thí dụ:

* *99 thiên mao bút tự tốc thành luyện tập pháp: Hành thư.* 99 天毛筆字速成練習法: 行書 (cách luyện tập nhanh chữ bút lông trong 99 ngày: chữ Hành) của Dương Tái Xuân.

* *Danh gia giáo nễ luyện thư pháp* 名家教你練書法 (các danh gia dạy bạn học thư pháp) xếp theo chủ đề, nằm trong Series *Thư pháp bệnh viện* 書法病院, phân tích các lỗi thông thường khi viết chữ.

* *Trung Quốc Thư pháp* 中國書法. Trọn bộ khoảng 10 đĩa CD, xếp theo từng chủ đề, do nhiều thư pháp gia khác nhau phụ trách giảng dạy, cũng do Đại học Thể dục Bắc Kinh xuất bản. v.v.

2. Các sách thư pháp, tự thiếp, bi thiếp, tự diễn thư pháp, v.v. do Trung Quốc xuất bản cũng là tài liệu tham khảo cần thiết. Hiện có bán tại các hiệu sách ngoại văn ở Chợ Lớn.

&